

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Chí Công	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 9 năm 2010)

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 2 tháng 12 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 13 công ty con và 4 công ty liên kết như được trình bày tại thuyết minh số 1 cho báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.349.314 triệu VNĐ (năm 2009: 1.271.888 triệu VNĐ).

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã công bố chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1. Cổ tức chia bằng cổ phiếu này được trích từ lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty. Cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 3 tháng 11 năm 2010 đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu.

Các sự kiện lớn trong năm

- Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng 60% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 10% được tạm ứng bằng tiền mặt vào năm 2009 và 50% còn lại được thanh toán bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1. Theo đó, Công ty đã thực hiện tăng vốn cổ phần từ 1.963.639.980.000 VNĐ lên 2.945.459.940.000 VNĐ theo phương thức chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1;
- Ngày 10 tháng 5 năm 2010, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng phần vốn cổ phần trong Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam, tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam lên 84,92% với giá trị tương ứng là 368 tỷ VNĐ;
- Ngày 2 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng vốn góp và tăng phần vốn góp của mình trong Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát, nâng tỷ lệ sở hữu từ 50% lên 99,86%;
- Ngày 21 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 800 trái phiếu lãi suất thả nổi, thời hạn 3 năm, không có tài sản đảm bảo, với tổng trị giá là 800 tỷ VNĐ;
- Ngày 3 tháng 11 năm 2010 Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu;
- Vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 870.000 trái phiếu chuyển đổi tương đương với số tiền 870 tỷ VNĐ thành 23.303.766 cổ phiếu của Công ty. Theo đó vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.945.459.940.000 VNĐ lên 3.178.497.600.000 VNĐ. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: 'S.B.K. 090018928 T.T.C. H. H. YEN H. H. YEN H. H. YEN'. In the center, it says 'CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT'. A blue ink signature is written across the stamp.

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 01-03-2011



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành vào ngày 01-03-2011 (được gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 3 năm 2010.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-037



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 15-03-2011

Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã	Thuyết	31/12/2010	31/12/2009
	số	minh	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		7.866.093.787.662	5.407.840.665.885
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.047.177.227.261	1.480.490.925.374
Tiền	111		136.131.658.520	915.772.994.337
Các khoản tương đương tiền	112		911.045.568.741	564.717.931.037
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	290.230.500.000	146.137.615.408
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		290.230.500.000	146.137.615.408
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.832.703.218.063	883.023.387.201
Phải thu khách hàng	131		1.503.995.277.666	736.028.795.343
Trả trước cho người bán	132		278.580.818.965	104.794.095.889
Các khoản phải thu khác	135		58.870.287.473	49.425.229.789
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.743.166.041)	(7.224.733.820)
Hàng tồn kho	140	7	4.540.810.505.212	2.556.676.319.108
Hàng tồn kho	141		4.549.531.050.816	2.564.854.388.112
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.720.545.604)	(8.178.069.004)
Tài sản ngắn hạn khác	150		155.172.337.126	341.512.418.794
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.937.003.359	11.276.991.645
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		87.040.305.417	91.398.981.334
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	154		2.551.817.942	2.807.498.457
Tài sản ngắn hạn khác	158		33.643.210.408	236.028.947.358

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		7.037.564.444.437	4.835.399.323.200
Các khoản phải thu dài hạn	210		449.008.590.000	43.404.000
Phải thu dài hạn khác	218	6	449.008.590.000	43.404.000
Tài sản cố định	220		4.603.672.511.871	3.065.311.850.943
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.979.294.726.886	876.483.904.113
<i>Nguyên giá</i>	222		5.109.678.090.211	1.634.137.248.326
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.130.383.363.325)	(757.653.344.213)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	10.662.903.383	11.677.291.317
<i>Nguyên giá</i>	225		16.488.423.548	16.488.423.548
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.825.520.165)	(4.811.132.231)
Tài sản cố định vô hình	227	10	122.793.292.131	274.764.834.646
<i>Nguyên giá</i>	228		135.335.392.353	283.458.505.168
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.542.100.222)	(8.693.670.522)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	490.921.589.471	1.902.385.820.867
Bất động sản đầu tư	240	12	15.189.484.788	19.549.586.087
<i>Nguyên giá</i>	241		29.106.577.749	29.106.577.749
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(13.917.092.961)	(9.556.991.662)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	708.792.906.574	1.101.992.112.536
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		573.650.566.574	930.972.112.536
Đầu tư dài hạn khác	258		135.142.340.000	171.020.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.260.900.951.204	648.502.369.634
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	224.060.809.097	121.805.877.399
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	51.313.170.818	30.147.903.044
Tài sản dài hạn khác	268		21.585.297.631	2.731.879.000
Lợi thế thương mại	269	16	963.941.673.658	493.816.710.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.903.658.232.099	10.243.239.989.085

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.165.669.159.381	5.178.291.447.425
Nợ ngắn hạn	310		6.136.481.866.444	4.638.797.523.573
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	4.021.625.285.657	3.648.096.119.795
Phải trả người bán	312	18	897.906.970.546	444.426.109.610
Người mua trả tiền trước	313		117.419.085.859	53.204.605.485
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	286.652.794.503	295.236.576.239
Phải trả người lao động	315		40.566.529.544	24.465.398.028
Chi phí phải trả	316	20	161.533.736.200	55.605.566.843
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	509.640.924.257	33.874.093.557
Dự phòng	320	22	14.181.335.039	10.204.569.304
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		86.955.204.839	73.684.484.712
Vay và nợ dài hạn	330		2.029.187.292.937	539.493.923.852
Phải trả dài hạn khác	333	21	458.093.237.312	9.554.858.112
Vay dài hạn	334	23	1.544.868.352.246	503.747.790.221
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	756.764.907	9.083.762
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		25.468.938.472	26.182.191.757
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.398.095.940.358	4.825.091.164.581
Vốn chủ sở hữu	410		6.398.095.940.358	4.825.091.164.581
Vốn cổ phần	411	24	3.178.497.600.000	1.963.639.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.257.862.350.000	1.620.900.010.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		171.064.385	(58.267.697.294)
Quỹ dự phòng tài chính	418	25	204.910.352.336	144.179.946.479
Lợi nhuận chưa phân phối	420		756.654.573.637	1.154.638.925.396
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		339.893.132.360	239.857.377.079
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.903.658.232.099	10.243.239.989.085

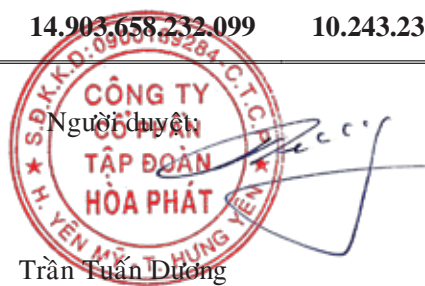
Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

01-03-2011

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	26	14.492.717.731.336	8.244.251.646.520
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	225.633.914.975	120.857.031.774
Doanh thu thuần	10		14.267.083.816.361	8.123.394.614.746
Giá vốn hàng bán	11	27	11.808.395.972.088	6.147.351.692.197
Lợi nhuận gộp	20		2.458.687.844.273	1.976.042.922.549
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	204.711.471.331	131.695.300.222
Chi phí tài chính	22	29	693.801.025.720	281.066.057.342
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>413.090.188.796</i>	<i>76.177.480.256</i>
Chi phí bán hàng	24		179.343.647.597	124.506.130.685
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		274.508.673.772	196.485.507.502
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.515.745.968.515	1.505.680.527.242
Thu nhập khác	31	30	256.775.799.502	30.136.197.668
Chi phí khác	32	31	254.360.923.593	15.538.643.438
Kết quả từ các hoạt động khác	40		2.414.875.909	14.597.554.230
Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	45	13	45.990.249.642	(10.298.743.625)
Lợi nhuận trước thuế	50		1.564.151.094.066	1.509.979.337.847
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	208.252.593.941	251.195.791.158
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(20.417.586.653)	(11.923.076.728)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.376.316.086.778	1.270.706.623.417
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông thiểu số	61		27.002.469.604	(1.180.996.696)
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông của Công ty	62		1.349.313.617.174	1.271.887.620.113
Lãi trên cổ phiếu				Đã trình bày lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.550	4.318

Người lập:



Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng

01-03-2011

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	(6.052.555.381)	76.429.969.200	415.743.316.148	4.070.660.719.967
Góp vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.271.887.620.113	1.271.887.620.113
Cổ tức -	-	-	-	-	(392.727.996.000)	(392.727.996.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	67.749.977.279	(130.530.868.373)	(62.780.891.094)
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(9.750.000.000)	(9.750.000.000)
Biến động khác	-	-	(52.215.141.913)	-	16.853.508	(52.198.288.405)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	(58.267.697.294)	144.179.946.479	1.154.638.925.396	4.825.091.164.581
Vốn cổ phần đã phát hành bằng cách trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 34)	981.819.960.000	-	-	-	(981.819.960.000)	-
Tam ứng cổ tức năm 2010 (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	(635.699.520.000)	(635.699.520.000)
Vốn cổ phần đã phát hành từ chuyển đổi trái phiếu	233.037.660.000	636.962.340.000	-	-	-	870.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động	-	-	(181.235.811)	-	-	(181.235.811)
Chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	20.632.263.864	-	-	20.632.263.864
Chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn	-	-	37.987.733.626	-	-	37.987.733.626
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.349.313.617.174	1.349.313.617.174
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	60.730.405.857	(127.179.299.074)	(66.448.893.217)
Thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.790.000.000)	(2.790.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	190.810.141	190.810.141
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.178.497.600.000	2.257.862.350.000	171.064.385	204.910.352.336	756.654.573.637	6.398.095.940.358

Người lập:

Ly Thi Ngan
 Lý Thị Ngân
 Kế toán trưởng

01-03-2011



Trần Tuấn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã	Thuyết	2010	2009
	số	minh	VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.564.151.094.066	1.509.979.337.847
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và khấu trừ	02		358.821.928.950	194.044.819.170
Phân bổ lợi thế thương mại	02		90.871.208.266	28.823.125.345
Các khoản dự phòng	03		(532.403.447)	(183.665.314.449)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		77.615.698.472	82.707.770
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(244.449.834.490)	(94.970.602.901)
Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	05		45.990.249.642	(10.298.743.625)
Chi phí lãi vay	06		413.090.188.796	76.177.480.256
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.305.558.130.255	1.520.172.809.413
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(270.860.849.472)	631.941.882.432
Biến động hàng tồn kho	10		(676.327.671.681)	(1.062.448.213.617)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(256.934.982.422)	(667.519.768.296)
Biến động chi phí trả trước	12		(58.269.901.758)	(11.129.357.107)
			1.043.164.724.922	411.017.352.825
Tiền lãi vay đã trả	13		(393.268.078.518)	(108.212.085.175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(265.793.824.683)	(51.677.033.815)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		135.447.050.025	17.691.457.489
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(121.339.205.479)	(350.857.410.034)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		398.210.666.267	(82.037.718.710)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(979.887.380.364)	(1.458.256.687.573)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		177.668.358.381	9.459.872.168
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(440.315.194.592)	(118.985.000.000)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		309.875.860.000	659.433.383.592
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(639.735.062.583)	(1.177.004.497.177)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		9.476.820.411	647.047.812
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		141.661.603.051	123.734.925.126
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(1.421.254.995.696)	(1.960.970.956.052)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		8.456.520.000	1.428.720.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		10.862.814.502.121	8.163.590.489.922
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.647.393.130.599)	(4.751.922.352.762)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính 3	5		(163.190.854)	(1.680.268.449)
Tiền trả cổ tức	36		(637.985.549.983)	(394.439.393.734)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		585.729.150.685	3.016.977.194.977
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(437.315.178.744)	973.968.520.215
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.480.490.925.374	510.218.287.249
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		4.001.480.631	(3.695.882.090)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	1.047.177.227.261	1.480.490.925.374

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	981.819.960.000	-
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	870.000.000.000	-
Nhận ủy thác đầu tư từ một công ty liên kết	448.979.590.000	-
Các khoản thu phi tiền tệ từ việc thanh lý công ty con của một công ty con	10.241.630.040	-

Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

01-03-2011

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế, tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ, phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế, quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất xi măng và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép, sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao; và
- Ủy thác xuất – nhập khẩu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam và Lào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết	
			31/12/2010	31/12/2009
	Công ty con			
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,64%	99,64%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,50%	99,50%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,82%	99,82%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh.	99,00%	99,00%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	85,00%	85,00%
8	Công ty TNHH Hòa Phát – Lào	Tìm kiếm, thăm dò các dự án khoáng sản tại Lào.	100%	100%
9	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,90%	99,90%
10	Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát – Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang, rút sợi dây thép; đúc kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	-
11	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	84,92%	-
12	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than tuyển cocc và than các loại.	99,86%	-
13	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

STT		Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết	
			31/12/2010	31/12/2009
	Công ty liên kết			
1	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu.	49%	49%
2	Công ty CP Xi măng Hòa Phát	Sản xuất và tiêu thụ clinker, xi măng; sản xuất và kinh doanh các phụ liệu, chất phụ gia của ngành xi măng; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng; và mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc thiết bị sản xuất xi măng.	50%	50%
3	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	-	50%
4	Công ty CP Bất động sản Hòa Phát – Á Châu	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà các loại, kinh doanh vật liệu xây dựng, lắp đặt hệ thống điện, và hệ thống cấp thoát nước.	30%	30%
5	Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao.	38%	-(*)

(*) Phần vốn cổ phần được phê duyệt và quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát – SSG theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40%. Tuy nhiên đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát – SSG chưa chính thức hoạt động và Tập đoàn chưa thực hiện góp vốn cổ phần vào công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 8.497 nhân viên (31/12/2009: 6.833 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khi phần lỗ của các công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ trong tương lai đó thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho các công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Tập đoàn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái mà theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ và các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc Thay đổi Tỷ giá Hối đoái, chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái, bao gồm chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản mục tài sản và nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi các chênh lệch này liên quan đến chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty này bắt đầu hoạt động. Khi các công ty bắt đầu hoạt động, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm. Ban Giám đốc của các Công ty trong Tập đoàn tin rằng thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả có gốc Đô la Mỹ (“USD”) theo tỷ giá dao động từ 18.932 VNĐ/1 USD đến 20.500 VNĐ/1 USD. Ban Giám đốc của các Công ty trong Tập đoàn tin rằng tỷ giá áp dụng bởi Tập đoàn phù hợp với tỷ giá giao dịch trên thị trường và phản ánh chính xác hơn các khoản nợ phải trả có gốc USD tại ngày kết thúc niên độ so với tỷ giá bình quân liên ngân hàng là 18.932 VNĐ/1 USD công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Sau ngày kết thúc niên độ, tại ngày 1 tháng 3 năm 2011, tỷ giá bình quân liên ngân hàng của VNĐ đối với USD đã được điều chỉnh tăng 9,2% từ 18.932 VNĐ/1 USD lên thành 20.668 VNĐ/1 USD.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2.5 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu và chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 35 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 12 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 10 năm

2.9 Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2.8 (b).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 – 46 năm.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 10 năm.

2.11 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

2.12 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

2.13 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(b) Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm.

(c) Chi phí đại tu/sửa chữa lớn

Chi phí đại tu/sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hai đến ba năm.

(d) Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con được ghi nhận trên tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái, thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con này bắt đầu đi vào hoạt động và các tài sản liên quan được đưa vào sử dụng. Tại thời điểm đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trước hoạt động được chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(e) Chi phí thăm dò

Chi phí thăm dò phát sinh từ việc thăm dò mỏ quặng sắt của một công ty con đang trong giai đoạn trước hoạt động, phục vụ cho việc khai thác của công ty con này trong tương lai. Khoản chi phí này ban đầu được thể hiện theo nguyên giá và, khi dự án đi vào khai thác, các khoản chi phí này dự kiến sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian khai thác thương mại của dự án.

(f) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(g) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Chi phí giải phóng mặt bằng sẽ được giảm trừ vào tiền thuê đất của Tập đoàn khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền thuê đất trong các năm sau.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

(h) Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến phát hành trái phiếu trong năm. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

2.14 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu giá trị hợp lý tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

2.15 Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

2.16 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

2.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

2.18 Doanh thu

(a) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) *Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

2.19 Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

2.20 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

2.21 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

2.22 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty và các công ty liên kết của Tập đoàn.

2.23 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn... phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, khai thác quặng sắt, bán buôn kim loại và quặng kim loại, sản xuất máy rút thép sợi nhằm mở rộng sản xuất;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất;
- Sản xuất sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh;
- Kinh doanh bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, và đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại		Kinh doanh máy móc xây dựng		Sản xuất sản phẩm điện lạnh		Kinh doanh bất động sản		Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản		Loại trừ		Hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2010														
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	10.924.292.989.365	512.690.694.440	1.234.332.992.244	547.656.621.657	157.766.055.143	890.344.463.512	-	14.267.083.816.361						
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	4.951.836.252.644	28.714.811.833	24.718.123.115	56.447.090.629	47.974.048.450	802.838.177.933		(5.912.528.504.604)						
Tổng doanh thu của bộ phận	15.876.129.242.009	541.405.506.273	1.259.051.115.359	604.103.712.286	205.740.103.593	1.693.182.641.445		(5.912.528.504.604)						
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.208.022.579.902	98.485.831.638	301.348.073.814	59.038.181.638	59.686.560.683	322.468.687.228		(533.303.946.388)						1.515.745.968.515
Thu nhập khác	243.371.743.400	3.195.554.865	3.093.099.216	2.407.443.019	5.541.343.468	4.856.495.142		(5.689.879.608)						256.775.799.502
Chi phí khác	(244.353.832.220)	(2.743.336.244)	(514.532.118)	(1.181.271.083)	(4.439.816.579)	(4.116.524.449)		2.988.389.100						(254.360.923.593)
Phần chia lãi của công ty liên kết	-	-	-	-	1.124.904.129	-		44.865.345.513						45.990.249.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(101.993.938.481)	(10.482.762.155)	(62.922.183.117)	(13.703.347.115)	(19.063.666.018)	(86.697.055)		-						(208.252.593.941)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	3.776.910.474	818.522.989	(51.568.727)	805.385.692	2.069.703.595	-		12.998.632.630						20.417.586.653
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.108.823.463.075	89.273.811.093	240.952.889.068	47.366.392.151	44.919.029.278	323.121.960.866		(478.141.458.753)						1.376.316.086.778
Tài sản của bộ phận	13.716.196.732.578	443.878.285.270	815.464.975.216	386.533.909.016	1.383.395.858.165	2.721.959.669.532		(5.137.421.764.252)						14.330.007.665.525
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	529.250.000.000	-	-	-	199.447.009.542	-		(155.046.442.968)						573.650.566.574
Tổng tài sản	14.245.446.732.578	443.878.285.270	815.464.975.216	386.533.909.016	1.582.842.867.707	2.721.959.669.532		(5.292.468.207.220)						14.903.658.232.099
Nợ phải trả của bộ phận	6.505.420.536.987	220.896.296.926	427.964.172.790	195.759.040.888	775.772.124.487	1.344.137.370.050		(1.304.280.382.747)						8.165.669.159.381
Tổng nợ phải trả	6.505.420.536.987	220.896.296.926	427.964.172.790	195.759.040.888	775.772.124.487	1.344.137.370.050		(1.304.280.382.747)						8.165.669.159.381
Chi tiêu vốn	429.669.786.849	28.880.952.222	117.447.210.268	23.492.205.733	497.575.219	406.633.865.180		(46.906.183.999)						959.715.411.472
Khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản	(231.731.128.432)	(15.183.943.140)	(36.333.298.060)	(14.698.716.779)	(12.675.616.555)	(52.960.947.744)		2.023.829.966						(361.559.820.744)
thuế tài chính và bất động sản đầu tư	(1.746.423.742)	(783.420.469)	(772.396.487)	(127.161.525)	-	(122.063.761)		296.598.125						(3.254.867.859)
Khấu hao của tài sản cố định vô hình														

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31/12/2009

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất VND	Sản xuất sản phẩm điện lạnh VND	Kinh doanh bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	5.593.864.023.622	575.383.336.767	1.051.868.707.213	414.168.238.972	488.110.308.172	-	-	8.123.394.614.746
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	938.430.982.845	25.213.995.564	15.557.442.403	49.482.844.735	60.048.627.483	-	(1.088.733.893.030)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	6.532.295.006.467	600.597.332.331	1.067.426.149.616	463.651.083.707	548.158.935.655	-	(1.088.733.893.030)	8.123.394.614.746
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.589.810.513.305	127.547.633.141	255.817.143.773	62.394.779.116	121.734.795.656	(8.407.948.200)	(643.216.389.549)	1.505.680.527.242
Thu nhập khác	17.295.611.822	9.407.327.158	2.108.673.050	1.701.969.529	4.908.977.129	25.877.110	(5.312.238.130)	30.136.197.668
Chi phí khác	(7.079.304.977)	(10.054.293.760)	(668.496.440)	(1.571.233.868)	(1.365.046.923)	(23.706.713)	5.223.439.243	(15.538.643.438)
Phần lỗ của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(10.298.743.625)	(10.298.743.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(137.428.301.045)	(21.218.581.177)	(50.256.363.843)	(14.092.009.360)	(28.200.535.733)	-	-	(251.195.791.158)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	(503.839.768)	733.409.373	(1.258.280.155)	(49.012.871)	2.293.260.786	-	10.707.539.363	11.923.076.728
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.462.094.679.337	106.415.494.735	205.742.676.385	48.384.492.546	99.371.450.915	(8.405.777.803)	(642.896.392.698)	1.270.706.623.417
Tài sản của bộ phận	10.005.706.135.032	483.091.695.845	664.725.260.455	311.288.446.726	797.180.029.011	79.810.651.961	(3.029.534.342.481)	9.312.267.876.549
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	914.500.000.000	-	-	-	-	-	16.472.112.536	930.972.112.536
Tổng tài sản	10.920.206.135.032	483.091.695.845	664.725.260.455	311.288.446.726	797.180.029.011	79.810.651.961	(3.013.062.229.945)	10.243.239.989.085
Nợ phải trả của bộ phận	4.449.784.234.566	297.688.842.590	366.019.261.464	157.454.446.868	385.434.235.906	10.673.390.263	(488.762.964.232)	5.178.291.447.425
Tổng nợ phải trả	4.449.784.234.566	297.688.842.590	366.019.261.464	157.454.446.868	385.434.235.906	10.673.390.263	(488.762.964.232)	5.178.291.447.425
Chi tiêu vốn	1.944.245.550.685	65.291.333.786	17.434.990.045	603.077.479	4.121.512.069	15.268.670.934	(1.758.998.670)	2.045.206.136.328
Khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản	111.151.232.695	29.977.756.832	42.623.632.444	14.665.891.037	12.220.972.680	564.985.700	(174.549.399)	211.029.921.989
thuế tài chính và bất động sản đầu tư	1.795.842.625	696.871.249	803.785.334	140.807.759	-	7.222.717	(300.725.399)	3.143.804.285
Khấu hao của tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

4. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 10 tháng 5 năm 2010, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền kiểm soát của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam tăng lên thành 84,92%.

Ngày 2 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn đã nhận được quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Năng Lượng Hoà Phát thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp. Quyền kiểm soát này đạt được thông qua các giao dịch mua lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2009 và ngày 2 tháng 6 năm 2010. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Năng Lượng Hoà Phát tăng tương ứng từ 0% lên 50% và từ 50% lên thành 99,86%.

Việc mua lại các công ty con này có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua		
	Công ty CP Golden Gain Việt Nam VNĐ	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.004.408.287	81.975.635.594	225.980.043.881
Các khoản phải thu - ngắn hạn	2.309.755.111	56.384.526.012	58.694.281.123
Hàng tồn kho	385.654.242.276	889.434.172.740	1.275.088.415.016
Tài sản ngắn hạn khác	1.000.873.505	34.638.568.324	35.639.441.829
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị còn lại	331.668.728	1.036.896.706.385	1.037.228.375.113
Tài sản cố định vô hình - Giá trị còn lại	-	9.221.824.688	9.221.824.688
Xây dựng cơ bản dở dang	-	88.815.919.775	88.815.919.775
Chi phí trả trước dài hạn	191.747.499	28.470.374.697	28.662.122.196
Tài sản dài hạn khác	-	1.126.507.096	1.126.507.096
Nợ phải trả ngắn hạn	(91.739.186.786)	(1.096.136.264.330)	(1.187.875.451.116)
Vay và nợ dài hạn	-	(465.252.365.692)	(465.252.365.692)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	441.753.508.620	665.575.605.289	1.107.329.113.909
Phần trong giá trị hợp lý của tài sản ròng của công ty con tại ngày mua	375.126.035.682	632.105.603.316	1.007.231.638.998
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	354.742.534.269	206.244.396.684	560.986.930.953
Giá phí hợp nhất kinh doanh	729.868.569.951	838.350.000.000	1.568.218.569.951
Khoản thanh toán cho việc mua lại Công ty CP Năng lượng Hòa Phát vào ngày 10 tháng 6 năm 2009	-	(390.000.000.000)	(390.000.000.000)
Khoản tiền thu được của các công ty con	(144.004.408.287)	(81.975.635.594)	(225.980.043.881)
Khoản tiền phải thanh toán thuần	585.864.161.664	366.374.364.406	952.238.526.070

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ:

	Khoản thanh toán cho việc mua lại VNĐ	Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản ròng của các công ty con tại ngày mua VNĐ	Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại VNĐ
Công ty CP Golden Gain Việt Nam	729.868.569.951	375.126.035.682	354.742.534.269
Công ty CP Năng lượng Hoà Phát			
• Mua ngày 10 tháng 6 năm 2009	390.000.000.000	300.538.022.615	89.461.977.385
• Mua ngày 2 tháng 6 năm 2010	448.350.000.000	331.567.580.701	116.782.419.299
	838.350.000.000	632.105.603.316	206.244.396.684
	1.568.218.569.951	1.007.231.638.998	560.986.930.953

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	10.343.212.664	5.992.630.897
Tiền gửi ngân hàng	125.788.445.856	909.455.363.440
Tiền đang chuyển	-	325.000.000
Các khoản tương đương tiền	911.045.568.741	564.717.931.037
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.047.177.227.261	1.480.490.925.374

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền bằng ngoại tệ khác VNĐ xấp xỉ 13.271 triệu VNĐ (31/12/2009: 25.040 triệu VNĐ).

Không có tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (31/12/2009: 51.198 triệu VNĐ).

Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có 128 triệu VNĐ (31/12/2009: 229 triệu VNĐ) bị hạn chế sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu thương mại có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	14.007.458.786	8.953.326.436

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại từ các bên thứ ba.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.899.230.224	3.101.906.384
Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng	12.673.809.428	12.259.171.537
Phải thu thuế nhà thầu	9.400.030.921	9.719.291.136
Đặt cọc	1.462.015.800	17.490.860.979
Xuất bảo hành chưa nhập lại	-	848.723.737
Các khoản cho vay không lãi	4.017.247.069	-
Vật tư mang gia công	1.826.239.155	-
Phải thu khác	15.591.714.876	6.005.276.016
	58.870.287.473	49.425.229.789

Biến động trong năm của dự phòng các khoản nợ khó đòi như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	(7.224.733.820)	(9.278.202.104)
Tăng dự phòng trong năm	(3.459.840.457)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	10.954.000	2.053.468.284
Hoàn nhập trong năm	1.930.454.236	-
Số dư cuối năm	(8.743.166.041)	(7.224.733.820)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 511.878 triệu VNĐ (31/12/2009: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Khoản nhận ủy thác đầu tư (*)	448.979.590.000	-
Phải thu khác	29.000.000	43.404.000
	<hr/>	<hr/>
	449.008.590.000	43.404.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu, một công ty liên kết. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (xem Thuyết minh 21).

7. Hàng tồn kho

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	578.914.687.718	396.187.159.770
Nguyên vật liệu	1.453.668.767.659	1.248.509.113.540
Công cụ và dụng cụ	156.110.552.999	63.217.207.716
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.162.939.810.661	339.789.373.773
Thành phẩm	1.055.292.775.311	382.700.928.959
Hàng hóa	142.596.857.940	134.363.064.845
Hàng gửi đi bán	7.598.528	87.539.509
	<hr/>	<hr/>
	4.549.531.050.816	2.564.854.388.112
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.720.545.604)	(8.178.069.004)
	<hr/>	<hr/>
	4.540.810.505.212	2.556.676.319.108
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	(8.178.069.004)	(179.639.520.859)
Tăng dự phòng trong năm	(12.660.493.608)	(5.928.160.989)
Hoàn nhập trong năm	12.118.017.008	177.389.612.844
		-
Số dư cuối năm	(8.720.545.604)	(8.178.069.004)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.085.903 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.288.667 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phường tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	420.658.249.008	11.747.106.897	1.039.662.872.405	159.648.292.936	2.420.727.080	1.634.137.248.326
Tăng trong năm	6.199.556.853	5.462.931.250	39.047.626.243	30.694.774.351	-	81.404.888.697
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	593.640.634.592	15.380.000	1.756.378.785.388	19.721.700.405	-	2.369.756.500.385
Mua lại các công ty con	18.802.658.036	260.832.422	1.050.298.915.113	8.775.983.715	-	1.078.138.389.286
Thanh lý và xóa sổ	(10.038.769.445)	(985.535.034)	(19.685.061.547)	(8.966.395.501)	(15.364.185)	(39.691.125.712)
Phân loại lại	(1.812.581.449)	61.429	(1.287.568.444)	523.689.424	40.137.748	(2.536.261.292)
Thanh lý công ty con của một công ty con	(210.500.000)	(21.424.750)	(9.304.623.853)	(1.995.000.876)	-	(11.531.549.479)
Số dư cuối năm	1.027.239.247.595	16.479.352.214	3.855.110.945.305	208.403.044.454	2.445.500.643	5.109.678.090.211
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(131.489.989.087)	(6.877.306.233)	(563.574.040.311)	(53.638.527.635)	(2.073.480.947)	(757.653.344.213)
Khấu hao trong năm	(50.110.403.412)	(2.297.757.156)	(278.203.777.629)	(25.225.755.862)	(347.637.452)	(356.185.331.511)
Mua lại các công ty con	(1.155.008.357)	(70.022.257)	(38.606.934.751)	(1.078.048.808)	-	(40.910.014.173)
Thanh lý và xóa sổ	2.225.237.302	857.860.748	10.695.132.567	5.994.117.496	15.236.142	19.787.584.255
Phân loại lại	1.542.474	14.346.285	538.036.997	(300.299.627)	-	253.626.129
Thanh lý công ty con của một công ty con	63.150.012	6.248.886	3.329.137.990	925.579.300	-	4.324.116.188
Số dư cuối năm	(180.465.471.068)	(8.366.629.727)	(865.822.445.137)	(73.322.935.136)	(2.405.882.257)	(1.130.383.363.325)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	289.168.259.921	4.869.800.664	476.088.832.094	106.009.765.301	347.246.133	876.483.904.113
Số dư cuối năm	846.773.776.527	8.112.722.487	2.989.288.500.168	135.080.109.318	39.618.386	3.979.294.726.886

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản trị giá 206.210 triệu VNĐ đã khấu hao hết (31/12/2009: 88.143 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý (31/12/2009: 722 triệu VNĐ).

Trong năm chi phí vay được vốn hoá trong tài sản cố định hữu hình tương đương 3.487 triệu VNĐ (31/12/2009: 460 triệu VNĐ).

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, các tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 3.583.751 triệu VNĐ (31/12/2009: 586.127 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	16.488.423.548
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(4.811.132.231)
Khấu hao trong năm	(1.014.387.934)
Số dư cuối năm	(5.825.520.165)
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	11.677.291.317
Số dư cuối năm	10.662.903.383

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	281.315.144.316	1.533.162.520	610.198.332	283.458.505.168
Tăng trong năm	-	-	757.378.000	757.378.000
Chuyển sang từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.588.767.493	-	-	4.588.767.493
Mua lại các công ty con	9.514.160.400	47.600.000	-	9.561.760.400
Thanh lý	(164.067.280.000)	-	-	(164.067.280.000)
Phân loại lại	2.536.261.292	-	-	2.536.261.292
Thanh lý công ty con của một công ty con	(1.500.000.000)	-	-	(1.500.000.000)
Số dư cuối năm	132.387.053.501	1.580.762.520	1.367.576.332	135.335.392.353
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	(7.889.841.506)	(502.654.121)	(301.174.895)	(8.693.670.522)
Khấu hao trong năm	(2.852.015.226)	(305.511.090)	(97.341.543)	(3.254.867.859)
Mua lại các công ty con	(335.553.184)	(4.382.528)	-	(339.935.712)
Phân loại lại	(253.626.129)	-	-	(253.626.129)
Số dư cuối năm	(11.331.036.045)	(812.547.739)	(398.516.438)	(12.542.100.222)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	273.425.302.810	1.030.508.399	309.023.437	274.764.834.646
Số dư cuối năm	121.056.017.456	768.214.781	969.059.894	122.793.292.131

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản với nguyên giá 22 triệu VNĐ đã được khấu hao hết (31/12/2009: 22 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 45.568 triệu VNĐ (31/12/2009: 5.646 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	1.902.385.820.867	110.448.487.863
Tăng trong năm	877.553.144.775	1.807.916.969.285
Mua lại công ty con	88.815.919.775	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.369.756.500.385)	(15.979.636.281)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(4.588.767.493)	-
Thanh lý	(2.912.491.943)	-
Biến động khác	(575.536.125)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	490.921.589.471	1.902.385.820.867
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (31/12/2009: 1.842.377 triệu VNĐ).

Trong năm, chi phí vay được vốn hoá vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 29.627 triệu VNĐ (31/12/2009: 37.801 triệu VNĐ).

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa
	VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	29.106.577.749
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(9.556.991.662)
Khấu hao trong năm	(4.360.101.299)
	<hr/>
Số dư cuối năm	(13.917.092.961)
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	19.549.586.087
Số dư cuối năm	15.189.484.788
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn vào		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	274.130.500.000	146.137.615.408
▪ Công ty CP Xi măng Hòa Phát (*)	16.100.000.000	-
	<hr/> 290.230.500.000	<hr/> 146.137.615.408
Đầu tư dài hạn vào		
▪ Các công ty liên kết (**)	573.650.566.574	930.972.112.536
▪ Các khoản đầu tư dài hạn khác (***)	135.142.340.000	171.020.000.000
	<hr/> 708.792.906.574	<hr/> 1.101.992.112.536

(*) Đây là khoản vay cấp cho một công ty liên kết, không có đảm bảo và có thời hạn hoàn trả dưới một năm tính từ ngày giải ngân khoản vay.

(**) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty CP Xi măng Hòa Phát	307.398.406.959	302.133.472.940
Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	85.141.835.259	72.779.519.169
Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu	176.092.520.535	176.028.582.140
Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	-	380.030.538.287
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	4.341.573.772	-
Các khoản đầu tư khác	676.230.049	-
	<hr/> 573.650.566.574	<hr/> 930.972.112.536

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	930.972.112.536	380.585.806.896
Tăng trong năm	60.655.543.504	550.386.305.640
Trong đó: Phần lãi/lỗ từ các công ty liên kết	45.990.249.642	(10.298.743.625)
Giảm trong năm do chuyển một công ty liên kết thành công ty con	(417.977.089.466)	-
	<hr/> 573.650.566.574	<hr/> 930.972.112.536

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(***) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Sắt Thạch Khê	69.813.000.000	41.600.000.000
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	5.800.000.000	-
Ngân hàng Indovina	9.867.940.000	70.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Trí Hưng	9.061.400.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	29.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín	-	7.400.000.000
Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát (***)	20.000.000.000	-
Trái phiếu kho bạc	-	20.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.600.000.000	8.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	135.142.340.000	171.020.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(****) Đây là khoản vay cấp cho một công ty liên kết, không có đảm bảo và có thời hạn hoàn trả trên một năm tính từ ngày giải ngân khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu/ sửa chữa lớn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chi phí thăm dò VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí phát hành trái phiếu VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.303.208.226	9.215.168.374	275.605.063	-	18.658.303.645	50.301.000.706	27.302.676.948	-	12.749.914.437	121.805.877.399
Chuyển từ tài khoản chênh lệch tỷ giá	-	-	-	37.987.733.626	-	-	-	-	-	37.987.733.626
Tăng trong năm	2.425.934.067	12.937.669.281	5.069.820.804	1.611.517.735	21.350.385.354	-	4.453.217.000	5.592.225.000	15.142.787.515	68.583.556.756
Phân loại lại	-	1.610.448.639	793.656.813	-	-	(3.023.033.347)	2.420.656.479	-	(1.801.728.584)	-
Mua lại công ty con	13.672.579.461	1.364.754.051	-	-	-	12.583.750.000	858.913.685	-	182.124.999	28.662.122.196
Thanh lý công ty con của một công ty con	-	(44.027.987)	-	-	-	-	-	-	-	(44.027.987)
Phân bổ trong năm	(5.960.952.926)	(10.114.226.119)	(1.288.705.858)	(3.908.028.804)	-	(1.354.521.657)	(331.906.942)	(776.697.916)	(9.199.412.671)	(32.934.452.893)
Số dư cuối năm	13.440.768.828	14.969.786.239	4.850.376.822	35.691.222.557	40.008.688.999	58.507.195.702	34.703.557.170	4.815.527.084	17.073.685.696	224.060.809.097

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị ghi sổ của chi phí trả trước dài hạn là 4.821 triệu VND (31/12/2009: 2.027 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản cố định	13.273.239.240	549.213.219
Dự phòng phải thu khó đòi	-	293.540.850
Chi phí phải trả	5.576.365.833	3.659.237.052
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.652.862.423	4.405.557.686
Lợi nhuận chưa thực hiện	18.895.363.657	21.240.354.237
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.915.339.665	-
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	51.313.170.818	30.147.903.044
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Lỗi chưa thực hiện	756.764.907	9.083.762
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
16. Lợi thế thương mại

	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông VND		Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND		Công ty CP Golden Gain Việt Nam VND		Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội VND		Công ty CP Tài nguyên Thăng Long VND		Công ty TNHH Bao bì Việt VND		Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội VND		Tổng cộng VND
	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	
Giá gốc															
Số dư đầu năm	350.232.527.609	-	-	73.311.877.737	-	564.624.843	29.824.917.043	68.705.888.304	522.639.835.536						
Tăng trong năm	-	206.244.396.684	354.742.534.269	-	-	-	-	-	560.986.930.953						
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	(564.624.843)	-	-	(564.624.843)						
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	9.240.780	-						
Số dư cuối năm	350.232.527.609	206.244.396.684	354.742.534.269	73.311.877.737	-	29.824.917.043	68.715.129.084	1.083.071.382.426							
Giá trị phân bổ lũy kế															
Số dư đầu năm	(20.430.230.777)	-	-	(7.331.187.774)	(564.624.843)	(497.081.951)	-	(28.823.125.345)							
Phân bổ trong năm	(35.023.252.762)	(12.030.923.140)	(23.649.502.285)	(7.331.187.775)	-	(5.964.983.409)	(6.871.358.895)	(90.871.208.266)							
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-	564.624.843	-	564.624.843							
Số dư cuối năm	(55.453.483.539)	(12.030.923.140)	(23.649.502.285)	(14.662.375.549)	-	(6.462.065.360)	(6.871.358.895)	(119.129.708.768)							
Giá trị ghi số															
Số dư đầu năm	329.802.296.832	-	-	65.980.689.963	-	29.327.835.092	68.705.888.304	493.816.710.191							
Số dư cuối năm	294.779.044.070	194.213.473.544	331.093.031.984	58.649.502.188	-	23.362.851.683	61.843.770.189	963.941.673.658							

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	3.513.894.234.417	2.247.117.160.669
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	507.731.051.240	280.815.768.272
Nợ thuê tài chính	-	163.190.854
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.120.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.021.625.285.657	3.648.096.119.795
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản vay ngắn hạn bao gồm các hợp đồng vay ngắn hạn từ 10 ngân hàng với hạn mức tối đa là 128 triệu Đô la Mỹ (“USD”) và 6.093.500 triệu VNĐ.

Các khoản vay bằng USD được đảm bảo bằng một số tài sản cố định, hàng tồn kho và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,5% đến 7,5% (2009: từ 3,7% đến 4,5%) một năm.

Các khoản vay bằng VNĐ được đảm bảo bằng một số tài sản cố định, hàng tồn kho, một số cổ phiếu HPG và một số khoản phải thu của Tập đoàn. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 10% đến 18% (2009: từ 10,3% đến 12%) một năm.

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty phát hành 1.120.000 trái phiếu chuyển đổi với quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Trái phiếu chuyển đổi có tổng trị giá là 1.120.000 triệu VNĐ, với thời gian đáo hạn là 1 năm, giá chuyển đổi là 37.333 VNĐ/cổ phiếu. Vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 870.000 trái phiếu chuyển đổi thành 23.303.766 cổ phiếu, phần còn lại (250.000 triệu VNĐ) đã được thanh toán hết cho người mua trái phiếu chuyển đổi.

18. Các khoản phải trả thương mại

Bao gồm trong các khoản phải trả thương mại có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả các công ty liên quan	10.112.704.979	28.572.146.800
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải trả thương mại cho các bên thứ ba.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	89.758.623.878	43.123.383.619
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.439.558.365	11.236.168.874
Thuế xuất nhập khẩu	7.918.706.475	11.008.957.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.729.483.964	226.253.292.148
Thuế thu nhập cá nhân	2.363.068.257	1.102.401.795
Thuế tài nguyên	-	15.921.184
Thuế nhà đất	3.170.972.000	2.397.083.000
Các loại thuế khác	272.381.564	55.775.968
Các khoản phải nộp khác		
Phí, lệ phí	-	43.591.990
	<hr/>	<hr/>
	286.652.794.503	295.236.576.239
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

20. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	68.329.928.757	6.229.790.723
Tiền điện	487.019.188	3.052.825.292
Phí dịch vụ	1.854.771.212	3.011.104.103
Chi phí bảo hành	-	10.666.484.705
Chi phí khuyến mại	24.064.114.398	14.431.179.853
Lương và thưởng	3.267.294.181	-
Chi phí phải trả cho nhà thầu	28.656.919.786	-
Chi phí xây dựng KCN Hòa Mạc	7.381.840.019	-
Chi phí xây dựng KCN Phố Nối A	16.151.870.756	13.850.436.539
Chi phí vận chuyển	1.620.000.000	-
Chi phí phải trả khác	9.719.977.903	4.363.745.628
	<hr/>	<hr/>
	161.533.736.200	55.605.566.843
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****21. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.070.984.415	-
Thặng dư tài sản chờ giải quyết	196.661.503	739.596.909
Cổ tức phải trả	1.683.885.000	1.269.940.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.737.152.330	-
Chiết khấu thương mại	5.841.062.240	3.728.364.620
Doanh thu chưa thực hiện	184.401.296.739	1.114.843.223
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	274.945.982.000	-
Phải trả Công ty RHI Retractories Asia-Pacific PTE.	16.639.923.312	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.123.976.718	27.021.348.805
	<hr/>	<hr/>
	509.640.924.257	33.874.093.557
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Khoản nhận ủy thác đầu tư (*)	448.979.590.000	-
Các khoản phải trả khác	9.113.647.312	9.554.858.112
	<hr/>	<hr/>
	458.093.237.312	9.554.858.112
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu, một công ty liên kết, để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (xem Thuyết minh 6).

22. Các khoản dự phòng ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí bảo hành
	VND
Số dư đầu năm	10.204.569.304
Phân loại lại trong năm	10.032.320.000
Dự phòng lập trong năm	5.162.983.067
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.711.939.201)
Hoàn lập dự phòng trong năm	(8.506.598.131)
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.181.335.039
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

23. Vay dài hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Hà Thành (1)	534.102.637.773	686.982.797.880
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (2)	507.970.519.547	18.591.257.816
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (3)	74.661.709.615	61.542.858.679
Ngân hàng Indovina (4)	85.872.146.217	9.982.365.500
Ngân hàng TNHH Một thành viên		
HSBC Việt Nam (5)	44.905.784.770	-
Trái phiếu (6)	800.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Hưng Yên	-	5.872.000.000
Các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng khác	5.086.605.564	1.592.278.618
	<hr/>	<hr/>
	2.052.599.403.486	784.563.558.493
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	(507.731.051.240)	(280.815.768.272)
	<hr/>	<hr/>
	1.544.868.352.246	503.747.790.221

1. Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Tập đoàn có giá trị ghi sổ là 2.102.149 triệu VNĐ. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 12% đến 14,3% (2009: từ 10,5% đến 14%) một năm và được hoàn trả trước năm 2014.
2. Các khoản vay này được bảo đảm bằng 14 triệu cổ phiếu HPG, một số tài sản cố định của Tập đoàn có giá trị ghi sổ là 1.026.145 triệu VNĐ và tài sản phát sinh từ việc đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc – Giai đoạn I tại Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam có giá trị ghi sổ là 121.673 triệu VNĐ. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 12% đến 15% (2009: 10,5%) một năm và được hoàn trả trước năm 2014.
3. Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Tập đoàn có giá trị ghi sổ là 119.012 triệu VNĐ, quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 39.210 triệu VNĐ và khoản chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 4.821 triệu VNĐ. Trong năm các khoản vay này chịu lãi suất từ 14,3% đến 17% (2009: từ 10% đến 12,5%) một năm và được hoàn trả trước năm 2014.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác của hai mỏ Tùng Bá và Sàng Thần thuộc hai Huyện Vị Xuyên và Bắc Mê, Tỉnh Hà Giang và toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng hình thành trong tương lai tại hai mỏ này. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 8% đến 17% (2009: 8%) một năm cho các khoản vay bằng VNĐ và chịu lãi suất 5,4% (2009: Không có) một năm cho các khoản vay bằng USD và được hoàn trả trước năm 2015.
5. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất của Tập đoàn thuộc dự án nhà máy Tủ sắt tại Tỉnh Bình Dương, toàn bộ giá trị công trình vật kiến trúc hình thành trên lô đất và máy móc thiết bị của nhà máy. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất theo chính sách lãi suất của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam từng thời kỳ trên chi phí đi vay (2009: Không có) và được hoàn trả trước năm 2013.
6. Khoản này thể hiện 800 trái phiếu (“Trái phiếu”) lãi suất thả nổi, không có đảm bảo với tổng trị giá là 800 tỷ VNĐ với chi tiết như sau:

Ngày phát hành	Số lượng	Mệnh giá VNĐ	Lãi suất (năm)	Thời hạn (năm)
21/7/2010	800	1.000.000.000	(*)	3

(*) Trái phiếu được hưởng lãi suất 14,50%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2010 và được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch số 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở Giao dịch)) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,50%/năm cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp không có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau, các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ khác với kỳ hạn tương đương sẽ được sử dụng. Lãi Trái phiếu sẽ được thanh toán hàng năm vào ngày 21 tháng 7, đợt thanh toán đầu tiên là ngày 21 tháng 7 năm 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	196.363.998	1.963.639.980.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Vốn cổ phần phát hành bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.181.996	981.819.960.000	-	-
Vốn cổ phần phát hành từ trái phiếu chuyển đổi	23.303.766	233.037.660.000	-	-
Số dư cuối năm	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000

25. Quỹ dự phòng tài chính

Theo điều lệ công ty, hàng năm Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con sẽ trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi nhuận từ các công ty con chuyển về) với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế. Quỹ này được trích lập đến khi không vượt quá 10% vốn điều lệ của mỗi Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

26. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu	14.492.717.731.336	8.244.251.646.520
▪ Bán hàng	14.336.575.332.277	7.760.214.554.715
▪ Cung cấp dịch vụ	37.498.041.780	192.113.895.924
▪ Doanh thu từ bán đất	79.648.295.802	-
▪ Hợp đồng xây dựng	38.996.061.477	291.923.195.881
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	225.633.914.975	120.857.031.774
▪ Chiết khấu thương mại	152.806.606.261	87.564.795.899
▪ Giảm giá hàng bán	514.139.488	304.331.692
▪ Hàng bán bị trả lại	21.196.509.566	14.826.388.405
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	24.121.370.606	17.529.377.466
▪ Thuế xuất khẩu	26.995.289.054	632.138.312
Doanh thu thuần	14.267.083.816.361	8.123.394.614.746

27. Giá vốn hàng bán

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán bao gồm:		
▪ Thành phẩm đã bán	7.478.289.498.378	5.777.158.148.505
▪ Hàng hoá đã bán	4.250.826.718.970	266.013.621.135
▪ Dịch vụ đã cung ứng	18.297.729.831	17.413.951.937
▪ Giá vốn của bán đất	30.197.936.899	-
▪ Hợp đồng xây dựng	30.241.611.409	258.142.521.132
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	542.476.601	(171.461.451.855)
▪ Giá vốn khác	-	84.901.343
Giá vốn hàng bán	11.808.395.972.088	6.147.351.692.197

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	153.684.996.163	118.807.593.985
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.991.695.528	12.459.454.127
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	142.298.822	-
Lãi bán hàng trả góp	-	412.117.832
Nhận hỗ trợ lãi xuất	7.755.667.213	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	136.813.605	16.134.278
	<hr/>	<hr/>
	204.711.471.331	131.695.300.222
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29. Chi phí tài chính

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	413.090.188.796	76.177.480.256
Chi phí bảo lãnh và quản lý tài sản thế chấp cho các khoản vay	7.383.117.077	-
Lỗ đầu tư	236.815.439	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	181.662.493.756	195.601.599.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	77.767.831.494	-
Chi phí tài chính khác	13.660.579.158	9.286.977.714
	<hr/>	<hr/>
	693.801.025.720	281.066.057.342
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

30. Thu nhập khác

	2010	2009
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	175.817.156.226	9.432.526.060
Tiền thu từ thanh lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.135.181.818	-
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	55.349.567.868	-
Tiền thu từ bán tài sản trên đất chuyển nhượng	9.829.948.701	-
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	2.119.125.554	9.018.097.691
Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	-	212.315.500
Thu nhập khác	11.524.819.335	11.473.258.417
	<hr/>	
	256.775.799.502	30.136.197.668
	<hr/> <hr/>	

31. Chi phí khác

	2010	2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	176.235.254.021	11.236.697.530
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	2.912.491.943	-
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	57.084.643.893	-
Giá trị của tài sản trên đất chuyển nhượng	9.197.261.220	-
Tiền bồi thường trả cho các đơn vị khác	4.547.146.069	-
Chi phí khác	4.384.126.447	4.301.945.908
	<hr/>	
	254.360.923.593	15.538.643.438
	<hr/> <hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

32. Thuế thu nhập

32.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	210.699.210.442	251.195.791.158
Điều chỉnh cho các năm trước	(2.446.616.501)	-
	208.252.593.941	251.195.791.158
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(20.417.586.653)	(11.923.076.728)
Chi phí thuế TNDN	187.835.007.288	239.272.714.430

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.564.151.094.066	1.509.979.337.847
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	98.858.041.133	99.640.291.160
Các khoản điều chỉnh giảm	(469.019.156.061)	(1.484.515.386)
	(370.161.114.928)	98.155.775.774
Lỗi năm trước chuyển sang	(76.215.419.082)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.117.774.560.056	1.608.135.113.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành	210.699.210.442	251.195.791.158
Thuế TNDN phải trả đầu năm	226.253.292.148	28.086.639.397
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(2.446.616.501)	(1.205.530.346)
Thuế trả trước của Công ty con mua trong năm	-	(182.395.405)
Tăng khác	34.656.559	1.806.772.259
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(2.033.009.848)	(3.803.960.948)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(265.793.824.683)	(51.677.033.815)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	166.713.708.117	224.220.282.300
Trong đó:		
▪ Thuế TNDN phải nộp cuối năm	167.729.483.964	226.253.292.148
▪ Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	(1.015.775.847)	(2.033.009.848)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

32.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong các Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (số 01/ƯĐĐT-UB và số 35/ƯĐĐT-UB do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2002 và ngày 24 tháng 5 năm 2006, và Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 05201000026 do Ban Quản lý khu Công nghiệp Phố Nối A cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007), Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập như sau:

- Với Nhà máy Cán thép, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm tính từ năm đầu tiên Nhà máy Cán thép có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%.
- Đối với Nhà máy Luyện phôi thép, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế cho 15 năm đầu tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên Nhà máy Luyện phôi thép có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty được quy định trong các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

33.1 Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	1.349.313.617.174	1.271.887.620.113

33.2 Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009
		(đã được trình bày trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	196.363.998	196.363.998
Cổ phiếu phổ thông phát hành dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	98.181.996	-
Cổ phiếu phổ thông phát hành từ trái phiếu chuyển đổi vào ngày 30 tháng 11 năm 2010	1.984.661	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	296.530.655	196.363.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

33.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2010 VNĐ	2009 VNĐ (đã được trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	1.349.313.617.174	1.271.887.620.113
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	296.530.655	196.363.998
	4.550	6.477

33.4 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trong năm, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1, do vậy số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VNĐ
Số báo cáo trước đây	196.363.998	6.477
Điều chỉnh lại cho số cổ phiếu phổ thông phát hành dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	98.181.996	(2.159)
Số điều chỉnh lại	294.545.994	4.318

34. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng 60% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 10% được tạm ứng bằng tiền mặt vào năm 2009 và 50% còn lại được thanh toán bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1, với tổng số tiền là 981.819.960.000 VNĐ.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 3 tháng 11 năm 2010 đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu, với tổng số tiền là 635.699.520.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các công ty liên kết				
<i>Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát</i>				
Bán hàng hóa dịch vụ	28.531.137.853	27.302.205.285	5.153.516.990	7.262.776.912
Mua hàng hoá	153.648.773.490	17.558.476.218	9.540.134.956	-
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
<i>Công ty CP Xi măng Hòa Phát</i>				
Bán hàng hóa 4	9.743.542.516	178.348.355.943	8.853.941.796	1.690.549.524
Mua hàng hoá	2.505.696.406	6.902.804.530	572.570.023	28.572.146.800
Các khoản cho vay	21.850.000.000	-	16.100.000.000	-
Thanh toán gốc vay	5.750.000.000	-	-	-
<i>Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG</i>				
Góp vốn	4.750.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay	980.000.000	-	980.000.000	-
<i>Công ty CP Bất động sản Hòa Phát - Á Châu</i>				
Góp vốn	-	151.000.000.000	-	-
Nhận ủy thác đầu tư	448.979.590.000	-	448.979.590.000	-
Thành viên của Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị				
Lương và thưởng	5.447.579.178	1.035.000.000	-	-
Thù lao	2.790.000.000	9.750.000.000	-	-

36. Các cam kết

36.1 Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	396.250.000.000	656.421.138.682

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

36.2 Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	16.535.962.089	9.821.487.955
Trong vòng hai đến năm năm	27.717.447.016	29.688.282.387
Sau năm năm	20.283.449.940	81.454.287.317
	64.536.859.045	120.964.057.659

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	13.282.403.724.614	5.482.631.964.590
Chi phí nhân công	319.885.592.798	175.224.179.371
Chi phí khấu hao	358.821.928.950	193.388.961.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.808.812.833	359.883.208.556
Chi phí khác	1.038.909.721.351	162.811.566.987

38. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

	31/12/2009 (Phân loại lại) VND	31/12/2009 (đã được trình bày trước đây) VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (nợ ngắn hạn)	73.684.484.712	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	73.684.484.712

Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

01-03-2011

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc